

Chi tiết mã HS 7104.10.10

Mã HS	7104.10.10
Mô tả hàng hóa	Đá quý hoặc đá bán quý tổng hợp hoặc tái tạo, đã hoặc chưa gia công hoặc phân loại nhưng chưa xâu thành chuỗi, chưa gắn hoặc nạm đất; đá quý hoặc đá bán quý tổng hợp hoặc tái tạo chưa phân loại, đã được xâu thành chuỗi tạm thời để tiện vận chuyển / - Thạch anh áp điện: / - - Chưa được gia công
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	01/11/2026 18:49:56
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/71041010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10672
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10672
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10672
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ10672
Thuế XK ưu đãi CPTPP	10	10%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM10672
Thuế XK ưu đãi EVFTA	10	10%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP10672
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	10	10%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS10672

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
-----	-------------	-----------	----------------	----	------------------	---------	------------

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10122
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10073
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10073
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10073
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10073
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10073
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10073
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10125
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10125
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10125
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10125

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10125
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10125
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10126
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10126
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10126
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10126
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10126
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10126
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10127
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10079
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F10085
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G10085
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H10085
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I10085
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J10085
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K10085
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10110
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10110
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10110
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10110
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10110
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10110
VCFTA	2022	2022	0	VC!D10163
VCFTA	2023	2023	0	VC!E10163
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10163
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10163

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10163
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10163
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10148
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10148
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10148
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10148
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10148
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10148
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10148
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10148
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10148
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10148
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10148
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10148
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10165
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10165
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10165
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10165
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10165
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10165
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10164
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10164
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10164
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10164
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10164
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10164

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10105
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10105
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10105
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10105
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10105
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10105
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10105
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10142
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10142
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10142
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10142
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10142
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10142
RCEP B	2022	2022	0	B!D10142
RCEP B	2023	2023	0	B!E10142
RCEP B	2024	2024	0	B!F10142
RCEP B	2025	2025	0	B!G10142
RCEP B	2026	2026	0	B!H10142
RCEP B	2027	2027	0	B!I10142
RCEP C	2022	2022	0	C!D10142
RCEP C	2023	2023	0	C!E10142
RCEP C	2024	2024	0	C!F10142
RCEP C	2025	2025	0	C!G10142
RCEP C	2026	2026	0	C!H10142
RCEP C	2027	2027	0	C!I10142
RCEP D	2022	2022	0	D!D10141

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E10141
RCEP D	2024	2024	0	D!F10141
RCEP D	2025	2025	0	D!G10141
RCEP D	2026	2026	0	D!H10141
RCEP D	2027	2027	0	D!I10141
RCEP E	2022	2022	0	E!D10145
RCEP E	2023	2023	0	E!E10145
RCEP E	2024	2024	0	E!F10145
RCEP E	2025	2025	0	E!G10145
RCEP E	2026	2026	0	E!H10145
RCEP E	2027	2027	0	E!I10145
RCEP F	2022	2022	0	F!D10142
RCEP F	2023	2023	0	F!E10142
RCEP F	2024	2024	0	F!F10142
RCEP F	2025	2025	0	F!G10142
RCEP F	2026	2026	0	F!H10142
RCEP F	2027	2027	0	F!I10142
VIFTA	2024	2024	0	VI!F9380
VIFTA	2025	2025	0	VI!G9380
VIFTA	2026	2026	0	VI!H9380
VIFTA	2027	2027	0	VI!I9380

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
--------------	-----	------------	-------	----------------------	-------------------	-------------	------------------------

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 7104.10 có 2 dòng thuế; dòng 7104.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Chưa được gia công.	7104.10.20 Đã gia công	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7104.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7104.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10672), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.